

Số: /GPMT-BQL Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1625/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cơ sở trong phạm vi khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghiệp và Thương mại Vít Việt tại Văn bản 002/2026/CV-VV ngày 23 tháng 03 năm 2026 về việc chỉnh sửa, bổ

*sung, hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường sau thẩm định và đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy cơ khí Vít Việt” và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Môi trường.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghiệp và Thương mại Vít Việt, địa chỉ trụ sở chính tại 42/8 Trần Đình Xu, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy cơ khí Vít Việt” tại Lô EB17a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy cơ khí Vít Việt”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô EB17a, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0309984990, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3230780068, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 7 năm 2016, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 21 tháng 11 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0309984990.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại (chủ yếu là sản xuất bulông, đai ốc, các sản phẩm có ren tương tự; sản xuất ốc vít; sản xuất các sản phẩm ống thép luồn dây điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 3.168 m<sup>2</sup>.

- Nhóm dự án: Nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

- Công suất:

+ Sản xuất các sản phẩm có ren tương tự quy mô 724,78 tấn sản phẩm/năm.

+ Sản xuất bulông, ốc vít, đai ốc quy mô 455,22 tấn sản phẩm/năm.

+ Sản xuất các sản phẩm ống thép luồn dây điện quy mô 200 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

a. Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm có ren tương tự:

Nguyên liệu → Tạo hình/Dập → Xi mạ (gia công bên ngoài) → Kiểm tra sản phẩm và đóng gói bao bì → Lưu kho.

b. Quy trình công nghệ sản xuất bulông, ốc vít, đai ốc:

Nguyên liệu → Tạo hình → Cán ren → Nhiệt luyện, tiện (gia công bên ngoài) → Xử lý bề mặt → Mạ Zn-Cr → Kiểm tra sản phẩm và đóng gói bao bì → Lưu kho.

c. Quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm ống thép luồn dây điện:

Nguyên liệu → Cuốn ống thép → Xi mạ, cán ren (gia công bên ngoài) → Kiểm tra sản phẩm và đóng gói bao bì → Lưu kho.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2:** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghiệp và Thương mại Vít Việt:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghiệp và Thương mại Vít Việt có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng 03 năm 2036).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- UBND TP.HCM;
  - UBND xã Hiệp Phước;
  - Công ty CP KCN Hiệp Phước;
  - Lãnh đạo Ban;
  - Cổng Thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
  - Công ty CP SX CN&TM Vít Việt;
  - Lưu: VT, P.QLMT. H.Ban (12)
- Mã hồ sơ: H29.34-260323-101732

**TRƯỞNG BAN**

**Bùi Minh Trí**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 03 năm 2026  
của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải của cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước theo Hợp đồng xử lý nước thải số 177/2018/HĐ-HIPC-TC&XLN ngày 19 tháng 10 năm 2018 để xử lý, không xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường).

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên được thu gom và xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hiệp Phước tại vị trí hố ga đầu nối trên đường số 19.

- Nước thải từ công đoạn xử lý bề mặt, xi mạ (nước từ bể tẩy dầu nóng, tẩy gỉ, tẩy dầu điện, trung hòa, hoạt hóa, bể thụ động màu, từ các bể rửa nước); nước thải vệ sinh lõi lọc của bể xi mạ; nước thải từ xả đáy tháp giải nhiệt; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải; nước thải từ rửa ngược cột lọc áp lực được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm của cơ sở để xử lý trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hiệp Phước tại vị trí hố ga đầu nối trên đường số 19.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

##### 1.2.1. Bể tự hoại:

- Số lượng: 02 bể (01 bể tại nhà bảo vệ thể tích 5,6 m<sup>3</sup>, 01 bể tại khu vực văn phòng và nhà xưởng sản xuất thể tích 20,01 m<sup>3</sup>).

- Hóa chất sử dụng: Không.

##### 1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 70 m<sup>3</sup>/ngày.đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: [Nước thải từ bể tẩy dầu nóng, tẩy gỉ, tẩy dầu điện, trung hòa, hoạt hóa, bể rửa nước của dây chuyền xi mạ, nước thải từ rửa ngược cột lọc áp lực, nước thải từ xả đáy tháp giải nhiệt → Bể chứa nước thải acid-bazo] + [Nước thải từ vệ sinh lõi lọc của bể xi mạ → Bể chứa nước thải Zn] +

[Nước thải từ bể thụ động màu → Bể chứa nước thải Crom] + Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Đầu nối hồ ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

Bùn phát sinh từ bể lắng được bơm về bể chứa bùn, sau đó qua máy ép bùn và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom theo quy định. Nước tách từ máy ép bùn được thu gom đưa về bể chứa nước thải acid – bazơ.

- Công suất thiết kế: 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ đầu nối dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước tại 01 hồ ga nằm trên đường số 19, có tọa độ: X (m) = 1174971; Y (m) = 609144 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°).

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và định kỳ hút bùn của bể tự hoại để bảo đảm khả năng hoạt động của bể tự hoại. Bùn từ bể tự hoại được quản lý theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thường xuyên vận hành, kiểm tra, duy tu và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn, đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn. Không có công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng và báo cáo những vấn đề bất thường của hệ thống xử lý nước thải cho cấp quản lý của nhà máy.

- Luôn trang bị máy bơm dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ phối hợp với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước) kiểm tra chất

lượng nước thải tại hồ ga đầu nổi để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Nếu có bất kỳ nguyên nhân nào làm một hạng mục/thiết bị hoặc toàn bộ hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động, khi đó Công ty sẽ giảm thiểu tối đa lượng nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất không cần thiết; nhanh chóng khắc phục sự cố, điều tiết lại lưu lượng xả nước thải trong khả năng của nhà máy để có giải pháp thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý, không để nước thải chưa qua xử lý chảy ra môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung theo khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Chủ cơ sở có trách nhiệm:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa và đầu nổi đúng quy định của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Bố trí nhân viên quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 03 năm 2026 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ dây chuyền xi mạ.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền xi mạ; tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 1175010; Y (m) = 609197 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý xả ra môi trường qua ống thải theo phương thức quạt cưỡng bức, xả liên tục trong thời gian vận hành hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với hệ số Kp = 1 và Kv = 1, áp dụng kể từ khi Giấy phép môi trường được ban hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2031); QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (áp dụng kể từ khi Giấy phép môi trường được ban hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2031); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT, cột C (áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Áp dụng đến ngày 31/12/2031	Áp dụng từ ngày 01/01/2032		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm <sup>3</sup>	50	≤ 20		
3	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	50	≤ 10		
4	Kẽm (Zn) và hợp chất, (tính theo Zn)	mg/Nm <sup>3</sup>	30	≤ 8		
5	Metylclorua (CH <sub>3</sub> Cl)	mg/Nm <sup>3</sup>	210	≤ 150		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Áp dụng đến ngày 31/12/2031	Áp dụng từ ngày 01/01/2032		
6	n-Propanol	mg/Nm <sup>3</sup>	980	-		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí thải phát sinh từ các bể tẩy dầu nóng, bể tẩy gỉ, bể mạ, bể thụ động màu và bể hoạt hóa của dây chuyền xi mạ được thu gom bằng các chụp hút vào các đường ống thu gom nhánh với kích thước D300, sau đó vào đường ống thu gom chính D600 dẫn về hệ thống xử lý khí thải, công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý đạt quy chuẩn cho phép, trước khi thải ra môi trường bằng ống thải D600, cao 13m tính từ mặt đất.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thoát khí thải, đường kính 600mm, cao 13m tính từ mặt đất.

+ Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Giám sát hệ thống xử lý khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng của hệ thống xử lý khí thải để trong trường hợp gặp sự cố sẽ sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải xả ra môi trường không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải

ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu: sau khi được cấp Giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải, công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí lỗ lấy mẫu trên thân ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải, tọa độ: X (m) = 1175010; Y (m) = 609197 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý khí thải (03 mẫu khí thải đầu ra của hệ thống xử lý khí thải).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Chủ cơ sở có trách nhiệm:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3.4. Thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải không đảm bảo các yêu

cầu tại Giấy phép môi trường này ra ngoài môi trường không khí, đồng thời phải  
dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 03 năm 2026 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ khu vực sản xuất.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ khu vực xử lý khí thải.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ khu vực máy nén khí.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**2.1. Tiếng ồn:**

Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

**2.2. Độ rung**

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

\* **Ghi chú:** Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

### 1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý; đồng thời thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ; bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc; sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các bộ phận thiết bị hư hỏng, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Các máy có độ ồn cao sẽ được lắp đặt trên đệm cao su sao cho độ ồn được giảm tối đa;

- Trang bị đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất, giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.

### 1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị để giảm thiểu độ rung khi hoạt động và thường xuyên kiểm tra độ cân bằng, hiệu chỉnh khi cần thiết.

## 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở có trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn cho các thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 03 năm 2026 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên CTNH</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	07 03 11	47.388
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	14.567
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	315
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	131
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	268
6	Nhũ tương và dung dịch thải không có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình	07 03 04	1.908
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	26
8	Pin, ắc quy thải	16 01 12	21
9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	18
10	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	308

TT	Tên CTNH	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
11	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	205
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>65.155</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (kg/năm)
1	Phế liệu sắt, thép	35.500
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	284
3	Pallet hỏng	560
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>36.344</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 4,5 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 2 Điều 24 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 quy định trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại. Chủ cơ sở không thực hiện phân định chất thải công nghiệp phải kiểm soát, do đó, tất cả các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát được chủ cơ sở quản lý như chất thải nguy hại đã liệt kê tại Mục 1.1 Phần A của Phụ lục này.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- 01 kho chứa chất thải nguy hại bên trong nhà xưởng: có vách ngăn với các khu vực khác, mặt sàn bê tông chống thấm, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu; có rãnh thu gom ứng phó sự cố tràn đổ chất thải nguy hại dạng lỏng; có bảng tên kho và biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định; có phân loại chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ thiết bị chứa chất thải, dán nhãn mã chất thải nguy hại theo quy định và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn đổ đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 12 m<sup>2</sup>.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- 01 khu vực lưu chứa bên trong nhà xưởng: có vách ngăn với các khu vực

khác; mặt sàn bê tông chống thấm, bảo đảm kín khít, đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; và có bảng tên khu vực lưu chứa; có trang bị các thiết bị lưu chứa đối với từng loại chất thải.

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: 20 m<sup>2</sup>.

### 2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- 01 khu vực lưu chứa bên ngoài nhà xưởng, trang bị các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy để lưu trữ chất thải sinh hoạt sau khi được phân loại.

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 12 m<sup>2</sup>.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT- BQL ngày tháng 03 năm 2026 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường để phục vụ hoạt động sản xuất với công suất tối đa của cơ sở theo nội dung của Quyết định số 126/QĐ-BQL ngày 11 tháng 01 năm 2017 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng kim loại bao gồm ốc vít, bulong, đai ốc, các sản phẩm có ren tương tự, công suất 1.380 tấn sản phẩm/năm” của Công ty Cổ phần Sản xuất Công nghiệp và Thương mại Vít Việt; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Tăng cường hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại và chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

5. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Giấy phép môi trường này là cơ sở pháp lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động. Đối với các nội dung thuộc lĩnh vực khác có liên quan, chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.